TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/DS-PT
Ngày 28 - 3 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Việt Trung**.
Các Thẩm phán: Ông **Lê Anh Dũng.**
Ông **Lê Thiết Hùng.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóabị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐPT-DS ngày 22/02/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M:

- Bà Lê Thị Thái A, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q (Vợ ông Hồ Văn M); có mặt.
- Chị Hồ Lê Phương L, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn C, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q(Con ông Hồ Văn M); vắng mặt.
- Chị Hồ Lê Phương T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q (Con ông Hồ Văn M); vắng mặt.
- Chị Hồ Lê Phương Th, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q (Con ông Hồ Văn M); vắng mặt.
- Chị Hồ Lê Minh Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Phường H, Quận P, thành phố H (Con ông Hồ Văn M); vắng mặt.
- *Người đại diện theo ủy quyền của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M:* Bà Lê Thị Thái A, sinh năm 1946, địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q (Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2016); có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Quang L, sinh năm 1963; có mặt.
- Bà Lê Thị H, sinh năm 1967; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn Vân H, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q.

3. Người kháng cáo: Ông Lê Quang L - Bị đơn.

4. Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóaướng Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2016, Biên bản hòa giải các ngày 04/8/2016, ngày 26/12/2016, ngày 27/9/2018, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thái A đồng thời là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào năm 1987, gia đình bà từ thành phố Nha Trang đến Thôn C, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Qđể xây dựng kinh tế mới. Được sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương, chồng bà Lê Thị Thái A là ông Hồ Văn M được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Q giao cho 24,3ha đất theo Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 tại xã TL để bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng kinh tế. Trong đó đất để trồng rừng là 04 ha, đất để trồng cây công nghiệp và lương thực là 16,1ha, đất lập vườn là 2,8ha và đất chăn nuôi khác là 1,4ha; vị trí lô đất phía Bắc giáp đất trồng Trẫu của Hợp tác xã nông nghiệp xã TL, phía Nam giáp khu dân cư thôn Vân H, phía Đông giáp suối thủy điện Khe Sanh, phía Tây giáp đất các hộ gia đình xã TL (xí nghiệp cũ), thời gian sử dụng là 50 năm. Năm 1996, bà Lê Thị H và ông Lê Quang L tự ý lấn chiếm đất và trồng cây cà phê chè Catimor tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.206m^2 tại thôn C7, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q. Gia đình bà Lê Thị Thái A đã nhiều lần yêu cầu ông L bà Htrả lại diện tích đất nói trên nhưng ông L và bà Hkhông trả. Nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóagiải quyết buộc gia đình bà Lê Thị H và ông Lê Quang L phải thu dọn toàn bộ tài sản trên đất để trả lại cho gia đình bà Lê Thị Thái A diện tích 2.206m^2, tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 04 tại thôn C7, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị Thái A nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Biên bản quy hoạch vùng đất trồng cà phê xuất khẩu năm 1988; Quyết định số 93/QĐ ngày 22 tháng 4 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện H; Biên bản xác minh về việc thực trạng vùng trồng rừng cây công nghiệp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Đ ngày 19/10/1995; Giấy chứng tử của ông Hồ Văn M; Đơn xác nhận ngày 06/11/2012 của bà Lê Thị Thái A về việc xác nhận những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M; Giấy ủy quyền ngày 25/4/2016; Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/8/2010; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên; Biên bản xác định ranh giới vùng đất đồi yên ngựa năm 1996; Thống kê diện tích đất các hộ chiếm dụng đất của công ty TNHH Minh Đ; Đơn của bà Đinh Thị Nhẫn gửi cho công ty Minh Đ ngày

08/01/2001 báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất của công ty trên diện tích đất được quyền sở hữu; Biên bản về việc đất của công ty TNHH cà phê Minh Đ bị xâm lấn và chặt phá cây cối năm 1999 của Ban công an xã TL, huyện Hướng Hóaướng Hóa; Biên bản việc kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của công ty TNHH Minh Đ năm 2000; Biên bản về việc giải quyết các hộ dân xâm lấn đất của công ty TNHH Minh Đ năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã TL; Thông báo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai năm 2010 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Hướng Hóaướng Hóa; Công văn số 25/TNMT-CV ngày 04/7/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hướng Hóavề việc đề nghị Tòa án nhân dân huyện giải quyết vụ tranh chấp đất đai giữa công ty TNHH Minh Đ và 7 hộ dân ở xã TL; Đơn xác nhận diện tích đất ngày 10/7/2014 của bà Lê Thị Thái A; Giấy trả lời ngày 08/9/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị về việc trả lời đơn kiến nghị; Biên bản ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã TL về việc thỏa thuận quyền sử dụng đất; Biên bản ngày 22/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã TL về việc mời các hộ sử dụng đất thỏa thuận quyền sử dụng đất lần 2; Công văn số 06/TB-UBND ngày 04/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã TL về việc trả lời đơn trình của công dân; Công văn số 10/TNMT-ĐĐ ngày 27/10/2015 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất về việc trả lời đơn kiến nghị; Biên bản ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã TL về việc hòa giải tranh chấp đất; Bản đồ địa chính khu đất về hiện trạng sử dụng khu đất được giao theo Quyết định số 93/QĐ ngày 15/8/2018 do Phòng Tài nguyên môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hướng Hóavà Ủy ban nhân dân xã TL đo vẽ.

Tại biên bản hòa giải các ngày 04/8/2016, ngày 26/12/2016, ngày 27/9/2018 và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Ông L và bà Hkhông đồng ý trả lại mảnh đất nói trên cho gia đình bà An bởi vì năm 1996 ông L và bà Hthấy đất bỏ hoang nên đã khai hoang và trồng cây cà phê. Diện tích đất này không nằm trong quyết định giao đất số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H giao cho ông Hồ Văn M.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Lê Thị H có văn bản gửi Tòa án yêu cầu xem xét hủy Quyết định số 93/QĐ ngày 22 tháng 4 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc giao cho ông Hồ Văn M 24,3ha đất tại xã TL, huyện Hướng Hóavì quyết định giao đất không đúng trình tự pháp luật, ông Hồ Văn M sử dụng đất không đúng mục đích.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 29/11/2018 của TAND huyện Hướng Hóađã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 105, 107, 115, 136, 166, 167, 185 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của UBTV Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M: Buộc ông Lê Quang L và bà Lê Thị H phải thu dọn toàn bộ cây cối, tài sản trên đất để trả lại cho nguyên đơn là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M diện tích 2.206m^2 đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 04 thuộc thôn C7, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q, theo Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Q giao cho ông Hồ Văn M. Có vị trí: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Phương đang sử dụng dài 32,64m +25,9m +25,80m; Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Cửu Hiển dài 85m; Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Tuyến đang sử dụng dài 26.94m; Phía Tây giáp đường thôn C7, xã TL dài 25,34m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2018 ông Lê Quang L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 29/11/2018 của TAND huyện Hướng Hóavới lý do:

- Gia đình ông L sử dụng mãnh đất khi còn hoang hóa, vì vậy không đồng ý với nội dung bản án tuyên trả lại đất cho bà An.

- Yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Chủ tịch UBND huyện Hvề việc cấp cho ông Hồ Văn M 24,3ha đất là trái pháp luật, ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của gia đình.

Ngày 12/12/2018, VKSND huyện Hướng Hóakháng nghị tại quyết định số 317/QĐ-NPT-VKS-DS đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án bản án sơ thẩm dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 29/11/2018 của TAND huyện Hướng Hóavới những lý do:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn yêu cầu hủy quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của chủ tịch UBND huyện Hdo giao đất không phù hợp pháp luật, ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của các bị đơn.

Tại biên bản làm việc ngày 10/7/2017 của TAND huyện Hướng Hóavới Phòng TNMT huyện Hướng Hóaướng Hóa, đại diện Phòng TNMT đã khẳng định "Các tài liệu có trong hồ sơ giao đất gồm bản đồ quy hoạch trồng cây công nghiệp; đơn xin nhận đất rừng, đất trồng rừng; biên bản giao rừng và đất trồng rừng; biên bản quy hoạch vùng đất trồng cà phê; biên lai thu thuế sử dụng đất đều mang tên Công ty TNHH Minh Đ. Nhưng khi giao đất theo quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 thì Chủ tịch UBND huyện Hlại giao đất cho ông M. Như vậy, thủ tục thiết lập hồ sơ giao

đất không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật đất đai năm 1993 thì UBND tỉnh mới có quyền giao đất cho tổ chức; tại khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993 thì UBND huyện giao đất cho cá nhân, hộ gia đình. Giữa thủ tục thiết lập hồ sơ giao đất với quyết định giao đất số 93/QĐ ngày 22/4/1994 cho ông Hồ Văn M không khớp nhau".

Với những chứng cứ nêu trên, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của UBND huyện Hlà phải chứng minh tính hợp pháp của Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Chủ tịch UBND huyện Hvề việc giao cho ông Hồ Văn M 24,3ha đất; kết quả xác minh phù hợp hay không phù hợp với pháp luật đều gắn liền quyền nghĩa vụ của các bên đương sự; nhưng Tòa án không đưa Ủy ban nhân dân huyện H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là trái với quy định tại khoản 6 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung:

+ Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành nhưng phần ký tên, đóng dấu lại ghi thay mặt Ủy ban nhân dân huyện H là không thống nhất, vi phạm về thẩm quyền ban hành văn bản theo Điều 47 Luật tổ chức HĐND và UBND năm 1989, khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993.

+ Quyết định ghi:"Căn cứ quyết định 327 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ngày 15/9/1992" để giao đất cho ông Hồ Văn M là không đúng đối tượng, vì đất được Ủy ban nhân dân huyện H giao cho ông Hồ Văn M sử dụng không thuộc các loại đất mà quyết định 327 chủ trương giao.

+ Về trình tự, thủ tục giao đất: Ngoài Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 giao cho ông M 24,3ha đất, các chứng cứ khác đều mang tên công ty TNHH Minh Đ, chưa có thủ tục giao đất trên thực địa.

Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện Hgiao đất cho ông Hồ Văn M 24,3ha tại quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 là không có cơ sở; người sử dụng đất là công ty Minh Đ là hợp pháp. Vì vậy, không có cơ sở các bị đơn lấn chiếm 2.206m^2 đất của ông M để buộc trả lại. Trường hợp quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Chủ tịch UBND huyện H ban hành trái pháp luật thì Tòa án căn cứ Điều 34 BLTTDS năm 2015 tuyên hủy mới giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Theo kết quả định giá tài sản, tài sản trên đất là các loại cây công nghiệp và lâm nghiệp trị giá 50.953.000đ. Trường hợp có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp là của nguyên đơn thì cũng cần xem xét đến số tài sản này; bản án sơ thẩm buộc các bị đơn tháo dỡ toàn bộ tài sản có trên đất là chưa phù hợp.

Quan điểm của VKSND tỉnh Quảng Trị:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS. Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quang L và kháng nghị của VKSND huyện Hướng Hóa, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 29/11/2018 của TAND huyện Hướng Hóa để xét xử lại theo hướng: Đưa UBND huyện Hvào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan; xác minh làm rõ hiện nay công ty TNHH Minh Đ có còn hoạt động hay không.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về việc vắng mặt bà Lê Thị H tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Thị H không có kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS để tiến hành xét xử vụ án.

[1.2]. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11/12/2018 ông Lê Quang L là bị đơn kháng cáo và ngày 12/12/2018 VKSND huyện Hướng Hóakháng nghị toàn bộ bản án số 11/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của TAND huyện Hướng Hóaướng Hóa. Kháng cáo của ông Lê Quang L và kháng nghị của VKSND huyện Hướng Hóatrong hạn luật định, phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét kháng cáo, kháng nghị là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Thái A và ông Hồ Văn M là vợ chồng. Quá trình chung sống, ông bà sinh được 04 người con là chị Hồ Lê Phương L, Hồ Lê Phương T, Hồ Lê Phương Th và Hồ Lê Minh Đ. Ngày 22/4/1994, ông Hồ Văn M được UBND huyện Hgiao 24,3ha đất để trồng cây công nghiệp theo quyết định số 93/QĐ. Quá trình sử dụng đất, ông M đã đưa 24,3ha đất được giao vào làm vốn hoạt động của công ty TNHH Minh Đ. Năm 2011 ông M chết. Đến năm 2012 các thành viên công ty TNHH Minh Đ đã thống nhất đưa toàn bộ diện tích 24,3ha đất ra khỏi vốn của công ty, do đó diện tích 24,3ha đất ông M được giao thuộc quyền sử dụng của những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông M. Bà Thái A và các con cho rằng ông Lê Quang L và bà Lê Thị H đã lấn chiếm diện tích 2.206m^2 đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 04 thuộc Thôn C, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Qđây là diện tích đất nằm trong diện tích 24,3ha đất ông M được giao năm 1994, do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa buộc ông L và bà H trả lại cho những người trong hành thừa kế thứ nhất của ông M diện tích đất đã lấn chiếm. Xét thấy, đây là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 7 Điều 3, khoản 1

Điều 17, khoản 7 Điều 166 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS, nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện trên của bà Lê Thị Thái A và những người trong hàng thừa kế là đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của ông Lê Quang L và kháng nghị của VKSND huyện Hướng Hóaướng Hóa, thấy rằng:

[3.1]. Theo kháng cáo của ông Lê Quang L thì ông L kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của TAND huyện Hướng Hóa và hủy Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của UBND huyện H về việc giao cho ông Hồ Văn M 24,3ha đất vì ông L cho rằng quyết định giao đất xâm phạm đến quyền L của phía bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông L cho rằng diện tích đất nguyên đơn đang tranh chấp không nằm trong diện tích 24,3ha đất đã giao cho ông M nên ông L rút một phần kháng cáo và không đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của UBND huyện H. Xét thấy, việc ông L rút một phần kháng cáo là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần rút yêu cầu kháng cáo ông L.

[3.2]. Xét việc không đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông L và bà Hđã có đơn đề nghị TAND huyện Hướng Hóa hủy quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 về việc cấp đất cho ông M, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện VKSND huyện Hướng Hóa đề nghị tạm ngưng phiên tòa để đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng nên VKSND huyện Hướng Hóa cho rằng cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án trái với quy định tại khoản 6 Điều 68 BLTTDS. Xét thấy: Theo quy định tại Điều 34 BLTTDS thì trong quá trình giải quyết vụ án dân sự nếu có yêu cầu hủy quyết định cá biệt mà quyết định đó xâm phạm quyền, L ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc mà Tòa án đang giải quyết thì Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền L, nghĩa vụ liên quan để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy. Do đó, trong vụ án dân sự này, khi đương sự yêu cầu hủy quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của UBND huyện Hướng Hóa, thì Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa UBND huyện vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan để UBND huyện có ý kiến đối với việc ban hành quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 6 Điều 68 BLTTDS là vi phạm thủ tục tố tụng, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóakháng nghị phần thủ tục này là có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy ông Hồ Văn M đã sử dụng đất từ năm 1988, đến năm 1994 mới có quyết định giao đất với diện tích 24,3 ha và diện tích đất mà bà Lê Thị Thái A cùng những người trong hàng thừa kế của ông M đang tranh chấp với ông L và bà H nằm trong tổng diện tích đất ông M được giao, các bị đơn mới sử dụng từ năm 1996 trở về sau là sau thời điểm ông M được

giao đất, do đó không ảnh hưởng đến quyền L của các bị đơn. Theo hướng dẫn tại phần II của Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của TAND tối cao "Giải đáp một số vấn đề về tố tụng hành chính, tố tụng dân sự" thì: *"Trường hợp khi giải quyết vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định cá biệt nhưng không cần thiết phải hủy quyết định cá biệt đó và việc không hủy quyết định đó vẫn đảm bảo giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự thì Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự tiếp tục giải quyết"*. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá việc giao đất cho ông Hồ Văn M theo quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của UBND huyện Hkhông ảnh hưởng đến quyền L của các bị đơn nên không hủy quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 và việc không đưa UBND huyện Hvào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[3.3]. Xét việc ban hành quyết định giao đất số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của UBND huyện Hthấy rằng:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì ngày 16/4/1994, Công ty TNHH Minh Đ do ông M làm giám đốc có đơn đề nghị UBND huyện H giao cho công ty 24,3ha đất trồng cây công nghiệp. Ngày 22/4/1994, UBND huyện H ban hành quyết định số 93/QĐ giao cho ông M 24,3ha đất. Xét việc ban hành quyết định giao đất số 93/QĐ ngày 22/4/1994, thấy rằng: Nếu căn cứ đơn xin giao đất của Công ty TNHH Minh Đ, thì thẩm quyền giao đất phải do UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện và đối tượng được giao đất là Công ty THHH Minh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật đất đai năm 1993, còn UBND huyện Hchỉ giao đất cho cá nhân ông M theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993; quyết định giao đất căn cứ Quyết định 327 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ngày 15/9/1992 để giao đất cho cá nhân ông M, trong khi đối tượng được giao đất theo quy định tại quyết định 327 lại là các tổ chức, dự án; chủ tịch UBND huyện Hthay mặt UBND huyện để ký quyết định cấp đất là không đúng quy định. Do đó, xét về trình tự thủ tục, căn cứ, đối tượng để giao đất theo quyết định 93/QĐ ngày 22/4/1994 của UBND huyện Hlà không đúng nên VKSND huyện kháng nghị vấn đề này là có căn cứ. Tuy nhiên, xét quá trình sử dụng đất và việc giao đất cho ông Hồ Văn M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên diện tích đất 24,3ha đã giao cho ông M có nguồn gốc từ năm 1988, sau khi ông M và một số cá nhân thành lập tổ hợp cà phê, ngày 13/4/1988 Hội đồng quy hoạch đất xã TL đã giao cho tổ hợp sản xuất cà phê của ông M khoảng 15ha đất. Để có tư cách pháp nhân trong việc trồng cây công nghiệp, ngày 17/6/1988 ông M và các cá nhân có đơn xin thành lập Tập đoàn cây công nghiệp và đã được UBND huyện H ra quyết định thành lập theo quyết định số 245 QĐ/UB và do ông M làm tập đoàn trưởng, tập đoàn hoạt động đến năm 1990 thì giải thể do tại thời điểm này cán bộ, công chức không được làm kinh tế tư nhân, riêng ông M và các cá nhân còn lại vẫn tổ chức hoạt động trồng cây công nghiệp trên đất được giao và khai hoang thêm. Năm 1992 ông M thành lập Doanh nghiệp tư nhân và đến năm 1993 thành lập công ty TNHH Minh Đ và công ty hoạt động từ đó cho đến nay. Đến năm 1994, ông M thay mặt công ty TNHH Minh Đ làm đơn xin giao đất và ngày

22/4/1994, UBND huyện Hđã giao cho ông M 24,3ha đất mà ông M đã bỏ công khai hoang từ năm 1988. Trong quá trình hoạt động của Doanh nghiệp tư nhân và hoạt động của công ty TNHH Minh Đ, ông M đã đưa toàn bộ diện tích đất được giao vào hoạt động của doanh nghiệp.

Như vậy, việc ông M thay mặt công ty xin giao đất, nhưng UBND huyện lại giao cho cá nhân ông M là sai về thẩm quyền và đối tượng được giao đất, tuy nhiên việc giao đất cho cá nhân ông M là nhằm hợp lý hóa diện tích đất ông M đã trực tiếp khai hoang và tại thời điểm năm 1994, các thành viên công ty TNHH Minh Đ chủ yếu là thành viên trong gia đình, việc giao đất không gây thiệt hại cho bất kể một cá nhân hay xâm hại đến quyền L của công ty TNHH Minh Đ, không có ai khiếu nại, khởi kiện về việc giao đất cho cá nhân ông M. Bên cạnh đó, trước khi được giao đất, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành quyết định số 191/UB ngày 20/12/1993 về việc "Phê duyệt dự án sử dụng đất trống, đồi núi trọc phát triển nông lâm nghiệp vùng các xã Liên - Lập huyện Hướng Hóa" và chủ dự án là ông Hồ Văn M, giám đốc công ty TNHH Minh Đ. Trước và sau khi được giao đất ông M đã đưa toàn bộ diện tích đất vào làm vốn hoạt động của công ty. Quá trình sử dụng đất công ty đã sử dụng đúng mục đích, hiệu quả cao đó là là phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, tạo công ăn, việc làm cho số lượng lớn công nhân. Công ty TNHH Minh Đ được xem là mô hình trong việc trồng cây công nghiệp trên vùng đất này và là nơi cung cấp giống cây trồng cho nhiều nơi. Tuy nhiên, do sau đó công ty không tiếp cận được nguồn vốn 327 dẫn đến công ty không đủ khả năng hoạt động nên từ năm 1996 đến năm 2013 phải chuyển nhượng đất cho một số cá nhân, tổ chức để trả nợ do vay mượn trồng cây công nghiệp; bàn giao đất cho địa phương quản lý, người nhận chuyển nhượng hoặc được giao quản lý đều sử dụng đúng mục đích, hiện chỉ còn lại phần diện tích đất do các bị đơn lấn chiếm, do đó nếu hủy quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của UBND huyện Hthì cũng không giải quyết thêm được vấn đề gì. Vì vậy, quyết định số 93/QĐ ngày 22 tháng 4 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Q về việc giao cho ông Hồ Văn M 24,3ha đất là sai về trình tự, thủ tục, đối tượng được giao đất nhưng không ảnh hưởng đến quyền L của phía bị đơn, do đó không cần thiết phải hủy quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Q về việc giao cho ông Hồ Văn M 24,3ha đất lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng kinh tế tại xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q.

[4]. Xét tranh chấp của các đương sự thấy rằng: Việc Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định số 93/QĐ ngày 22 tháng 4 năm 1994 về việc giao cho ông Hồ Văn M 24,3ha đất lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng kinh tế tại xã TL, huyện Hướng Hóalà đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993. Theo Quyết định số 93/QĐ nói trên thì tổng diện tích đất giao cho ông M là 24,3ha, nhưng tại Bản đồ địa chính về hiện trạng sử dụng đất được giao theo Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H do Phòng Tài nguyên môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hướng Hóa và Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Hướng Hóa đo vẽ ngày 15/8/2018 thì có tổng diện tích đất là 246.583m^2 (diện tích tăng thêm là 3.583m^2). Tại Văn bản số 1023/UBND-TNMT

ngày 25/10/2018 của UBND huyện H thì Ủy ban nhân dân huyện H cho rằng tại thời điểm giao đất, diện tích được giao tương đối lớn, thiết bị để đo đạc thửa đất còn lạc hậu, có sai số lớn, nay được đo đạc lại bằng thiết bị hiện đại có độ chính xác cao thì diện tích chênh lệch 3.583m^2 tăng thêm có nguồn gốc đã được Ủy ban nhân dân huyện H giao cho ông Hồ Văn M tại Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994. Căn cứ Bản đồ địa chính ngày 15/8/2018 thì diện tích đất mà bà Lê Thị Thái A và những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M đang tranh chấp với ông L và bà Hlà thửa đất số 162, tờ bản đồ số 04 thuộc Thôn C, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q với diện tích 2.206m^2 đất, đây là thửa đất ông L và bà Hđang sử dụng nằm trong diện tích đất theo Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Q đã giao cho ông M. Ông Lê Quang L cho rằng vợ chồng ông đã khai hoang và sử dụng thửa đất trên vào năm 1993, nhưng bà Lê Thị H lại khai là vợ chồng bà bắt đầu khai hoang sử dụng đất nói trên từ năm 1996, khi đến sử dụng đất đã thấy trên đất có gốc cây bạch đàn. Như vậy, lời khai của ông L và bà Hkhông có sự thống nhất về thời gian sử dụng đất. Lời khai của bà Hvề thời gian sử dụng đất phù hợp với lời trình bày của phía nguyên đơn, vì: Trong quá trình sử dụng đất phía ông M đã trồng bạch đàn và đến ngày 04/4/1995 công ty TNHH Minh Đ đã có công văn số 36-CT/1995 về việc xin khai thác bạch đàn trồng năm 1991 và đã được Sở lâm nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp giấy phép khai thác số 19/GPKT ngày 15/01/1996, do đó sau khi khai thác còn lại gốc cây bạch đàn trên đất là đúng. Bên cạnh đó, do các bị đơn bắt đầu sử dụng đất vào năm 1996 là sau thời điểm ông Hồ Văn M được giao đất theo quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H. Mặt khác, ông L và bà H không có các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất nêu trên. Đến nay Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H vẫn đang có hiệu lực, chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào có văn bản thu hồi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M buộc ông Lê Quang L và bà Lê Thị H trả lại cho phía nguyên đơn thửa đất số 162, tờ bản đồ số 04 thuộc Thôn C, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Qvới diện tích 2.206m^2 đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Đối với ý kiến của VKSND huyện Hướng Hóacho rằng trên diện tích đất đang tranh chấp có các loại cây công nghiệp và lâm nghiệp có tổng trị giá 50.953.000đ. Trường hợp có căn cứ xác định diện tích đất đang tranh chấp là của nguyên đơn và buộc bị đơn chặt phá, dỡ bỏ sẽ lãng phí đối với tài sản đang có giá trị sử dụng; tại phiên tòa phúc thẩm ông L khai trên đất tranh chấp chỉ còn lại cây mức (làm choái của cây hồ tiêu), nếu di dời không ảnh hưởng đến giá trị của cây. Xét thấy, do các bị đơn tự ý lấn chiếm đất của nguyên đơn, tự ý trồng cây trên đất không được sự cho phép của phía nguyên đơn nên việc buộc các bị đơn tự thu dọn cây cối có trên đất là đúng. Do cây mức làm choái cây tiêu khi di dời không ảnh hưởng đến giá trị của cây nên không chấp nhận ý kiến này của VKSND huyện Hướng Hóa.

Như vậy, việc không đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng; việc ban hành quyết

định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H có sai sót về trình tự, thủ tục nhưng đúng về thẩm quyền và các sai sót trên không ảnh hưởng đến quyền, L ích hợp pháp của các bị đơn. Vì vậy, cần bác kháng cáo của ông Lê Quang L và kháng nghị của VKSND huyện Hướng Hóa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo ông Lê Quang L và kháng nghị của VKSND huyện Hướng Hóa không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, bác kháng cáo của ông Lê Quang L và kháng nghị của VKSND huyện Hướng Hóaướng Hóa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993; khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 17, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 296 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của UBTV Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M: Buộc ông Lê Quang L và bà Lê Thị H có trách nhiệm thu dọn toàn bộ cây cối có trên đất để trả lại cho nguyên đơn là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M 2.206m^2 đất, tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 04 thuộc thôn C7, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Q, nằm trong diện tích 24,3ha đất ông Hồ Văn M được giao theo Quyết định số 93/QĐ ngày 22/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Q, có vị trí: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Phương đang sử dụng dài 32,64m +25,79m +25,80m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Cửu Hiển dài 85m; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Tuyến đang sử dụng dài 26,94m; phía Tây giáp đường thôn C7, xã TL dài 25,34m.

2. Về án phí: Nguyên đơn là những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thái A tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 200.000đồng theo Biên lai số 0006725 ngày 30/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Q.

Ông Lê Quang L và bà Lê Thị H phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và ông Lê Quang L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007210 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóaướng Hóa. Ông L và bà H còn phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Quảng Trị;*
- *TAND H. Hướng Hóa;*
- *VKSND H. Hướng Hóa;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS H. Hướng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Việt Trung

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Vĩnh Linh;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Linh;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Trung